

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-PT

Ngày: 17/01/2019

Về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Đắc Phú

2. Bà Đỗ Thị Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 608/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6196/2018/QĐPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà Võ Thị V, sinh năm 1950

2/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: Số 817 đường H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Q, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 538/106/1 Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 019811 quyền số 10/2018/HĐGD-CCBN ngày 10/10/2018 tại Văn phòng Công chứng B.

Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 11, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 90B đường T, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số công chứng 184009 quyền số 09TP/CC-SCC/GUQ ngày 17/9/2018 tại Văn phòng Công chứng Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Trang A (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 817 đường H, khu phố H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị V và ông Trần Văn T có ông Ngô Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên trước đây ông T, bà V có quen biết và làm ăn chung với bà Võ Thị Kim L. Trong thời gian làm ăn chung ông T, bà V có đưa cho bà L nhiều lần với số tiền khoảng 15.000.000.000 đồng để bà L đi mua đất cho ông T, bà V. Sau khi mua đất bà L có nói với ông T, bà V là để cho bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ thuận lợi cho việc nhận bồi thường (nếu nhà nước có thu hồi), mua bán chuyển nhượng sau này vì bà là người địa phương. Do tin tưởng bà L nên ông T và bà V đã đồng ý để bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, sau này ông T và bà V phát hiện bà L chỉ sử dụng một phần nhỏ số tiền mà ông T, bà V đã đưa vào việc mua đất, phần còn lại bà L đã giấu sử dụng làm việc khác mà không có sự đồng ý của ông T, bà V. Sau khi phát hiện ra sự việc, ông T và bà V đã nhiều lần yêu cầu bà L trả lại số tiền 15.000.000.000 đồng mà ông T, bà V đã đưa cho bà L thì bà L nói không còn tiền nữa nên không đồng ý trả. Do lúc đưa tiền ông T, bà V có làm biên bản giao nhận tiền nhưng sau đó ông T, bà V đã làm thất lạc các giấy tờ giao nhận tiền. Vì vậy, ngày 26/9/2013 giữa ông T, bà V và bà L có ngồi lại với nhau để tính toán chính xác số tiền mà ông T, bà V đã đưa cho bà L và hai bên thống nhất với nhau số tiền là 15.000.000.000 đồng. Giấy xác nhận nợ do chính tay bà L viết, ký tên và lấn tay.

Từ đó đến nay ông T, bà V đã nhiều lần yêu cầu bà L trả lại số tiền 15.000.000.000 đồng cho ông T, bà V nhưng bà L vẫn không đồng ý trả. Nay ông T, bà V yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Kim L phải trả cho ông T, bà V số tiền 15.000.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 26/9/2013, không tính lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Công Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông có lời trình bày như sau:

Về giấy xác nhận nợ ngày 26/9/2013 trên thực tế là do con rể ông T có hành vi bắt giữ, đánh đập bà L, buộc bà L phải viết giấy xác nhận nợ nêu trên.

Do sợ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của mình nên bà L đã viết giấy xác nhận nợ cho bà V và ông T. Sau đó, ông T đã đưa cho bà L 500.000 đồng tiền thuốc để bà L không tố cáo hành vi bắt giữ người trái pháp luật. Mặt khác, kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn cũng không cung cấp được các chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của mình như: Thời gian giữa các lần giao nhận tiền; giấy giao nhận tiền và số tiền cụ thể mà các bên đã giao nhận; người làm chứng giao nhận tiền. Đồng thời, giữa bà L bà ông T, bà V cũng không có mối quan hệ vay mượn tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị V và ông Trần Văn T (có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Văn Q) đối với bà Võ Thị Kim L.

Buộc bà Võ Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị V và ông Trần Văn T (có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Văn Q) số tiền 15.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà V và ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L không tự nguyện trả số tiền trên, thì hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/11/2018, bị đơn là bà Võ Thị Kim L có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Võ Thị V và ông Trần Văn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Văn Q đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Võ Thị Kim L có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công Đ đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chưa làm rõ các tình tiết quan trọng của vụ án và chưa đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm còn không tuân thủ theo trình tự, thủ tục luật định, chưa làm rõ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không đảm bảo tính công bằng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Võ Thị Kim L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng: Căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 26/9/2013 có đủ cơ sở xác định bà L có nhận số tiền 15.000.000.000 đồng của vợ chồng ông T, bà V. Bà L cho rằng bà bị ép buộc và đánh đập buộc phải viết giấy nợ nêu trên. Tuy nhiên, lời trình bày của bà L không có chứng cứ chứng minh. Theo kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Công an xã B trả lời cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: “... Qua rà soát hồ sơ sổ sách và hồ sơ lưu trữ từ năm 2013 cho đến nay Công an huyện C không tiếp nhận thụ lý và giải quyết nguồn tin báo cũng như đơn của bà Võ Thị Kim L về việc bị bà Võ Thị V và con rể có hành vi đánh đập, bắt ép bà...”. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bà L có xuất trình thêm các giấy giao nhận tiền, nhưng đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, không liên quan đến vụ kiện đòi nợ này, nên không có cơ sở xem xét. Xét bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến tranh luận và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chưa gọi bản sao đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, chưa đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng và chưa làm rõ các tình tiết quan trọng của vụ án, mà đã đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 17/9/2018, Tòa án nhân dân huyện C đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự đều có người đại diện theo ủy quyền (bên nguyên đơn có ông Nguyễn Văn E đại diện, bên bị đơn có ông Nguyễn Công Đ đại diện) có mặt và ký vào các biên bản nêu trên (từ BL 50 đến BL 52). Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà ông E là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi, đồng thời cũng đã xem xét tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên bà L kháng cáo cho rằng chưa nhận được bản sao đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và chưa mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là không đúng và không có cơ sở xem xét.

Đối với kháng cáo việc Tòa sơ thẩm chưa làm rõ các tình tiết quan trọng của vụ án cũng như chưa đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét: Bà L cho rằng bà bị con rể của nguyên đơn bắt ép và có hành vi đánh đập buộc bà phải viết giấy xác nhận nợ ngày 26/9/2013, vụ việc đã được cơ quan Công an thụ lý giải quyết. Tuy nhiên, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C thụ lý giải quyết liên quan đến việc bà V tố cáo bà L lừa đảo

chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không phải bà L tố cáo về hành vi bị ép buộc viết giấy nợ.

Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an xã B trả lời như sau: *“Từ năm 2013 đến nay Công an xã B không có giải quyết vụ việc của bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú tổ 11, ấp B, xã B, huyện C bị người khác đánh đập và bắt ép và cũng không nhận được đơn của bà L với nội dung trên”*; và tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C cũng trả lời: *“ Qua rà soát kiểm tra sổ sách và hồ sơ lưu trữ tại Công an huyện C từ năm 2013 đến nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không tiếp nhận thụ lý và giải quyết nguồn tin báo của bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ tổ 11, ấp B, xã B, huyện C về việc bị bà Võ Thị V, sinh năm 1950, địa chỉ 817 đường H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng con rể có hành vi đánh đập, bắt bà Võ Thị Kim L ”*.

Bà L cho rằng Tòa sơ thẩm không đưa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C vào tham gia tố tụng. Xét, cơ quan điều tra không liên quan đến vụ án, đây chỉ là quan hệ vay mượn nợ, việc bà L yêu cầu là không chính đáng và không đúng quy định của pháp luật, nên không cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền 15.000.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại. Xét, tại giấy xác nhận nợ ngày 26/9/2013 (BL 18), bà L thừa nhận có nhận tiền của vợ chồng nguyên đơn 15.000.000.000 đồng để đặt cọc mua đất, nhưng sau khi mua đất xong bà L lại đứng tên và không thừa nhận dùng số tiền trên để mua đất. Tuy nhiên, sau khi có kết quả giám định thì bà L mới thừa nhận nợ. Như vậy, có cơ sở xác định bà L đã nhận của nguyên đơn 15.000.000.000 đồng, nên việc nguyên đơn yêu cầu bà L trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 255; Điều 256 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005

- Áp dụng Điều 688; Điều 689 Bộ luật dân sự 2015

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V và ông Trần Văn T đối với bà Võ Thị Kim L.

Buộc bà Võ Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị V và ông Trần Văn T số tiền 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.

Trường hợp bà Võ Thị Kim L chậm thực hiện trả nợ thì còn chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim L phải chịu là: 123.000.000 (một trăm hai mươi ba triệu) đồng.

Hoàn trả cho bà Võ Thị V và ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.500.000 (sáu mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2011/06053 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AG/2011/06161 ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (15/ Yếu)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo